

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Số 93, Đường Lê Lợi, Phường Yên Ninh
TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Hữu Thiệp	Chủ tịch
2. Ông Hán Ngọc Cầu	Ủy viên
3. Ông Nguyễn Danh Đông	Ủy viên
4. Ông Vũ Ngọc San	Ủy viên
5. Ông Nguyễn Kim Cương	Ủy viên

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Hữu Thiệp	Giám đốc
2. Ông Hán Ngọc Cầu	Phó Giám đốc
3. Ông Phan Dũng Cường	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Thiệp

Giám đốc

Yên Bái, ngày 27 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 3598/2014/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2014, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đang theo dõi trên khoản mục “Phải thu khác” với số tiền 14.401.446.935 đồng. Đây là số tiền thiệt hại chưa thu hồi được trong vụ án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2013/HSST ngày 04/02/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Tuy nhiên Công ty chưa xác định được rõ đối tượng phải thu. Chúng tôi không có cơ sở để đưa ý kiến về khoản mục “Phải thu khác” này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho một số khoản công nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành, theo ước tính của kiểm toán viên số dự phòng phải thu khó đòi Công ty cần phải trích lập là khoảng 1.580.000.000 đồng. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bút toán điều chỉnh nào liên quan đến số trích lập dự phòng này.

Hiện tại Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An trị giá 3.315.000.000 đồng trên khoản mục tài sản cố định vô hình, tuy nhiên đến thời điểm này Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất nói trên đang đứng tên cá nhân, do đó chúng tôi không có cơ sở để đưa ý kiến về khoản mục này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Tiên Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748- 2013- 072- 01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính

Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Như Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013- 072- 01.

13-C
TY
HỮU H
N V
CHÍ
TẾ
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.255.724.333	77.711.625.746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.510.199.031	29.939.527.984
1. Tiền	111		6.510.199.031	8.939.527.984
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	21.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	9.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.280.375.897	31.757.314.276
1. Phải thu khách hàng	131		10.435.280.978	13.002.331.312
2. Trả trước cho người bán	132		213.403.527	830.022.560
3. Các khoản phải thu khác	135		14.631.691.392	17.924.960.404
III. Hàng tồn kho	140		16.462.776.468	14.571.827.252
1. Hàng tồn kho	141	V.3	16.660.519.862	14.769.570.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(197.743.394)	(197.743.394)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.002.372.937	1.442.956.234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		427.379.699	136.949.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.908.606	1.572.826
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	518.084.632	1.304.434.069
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.783.295.268	11.806.699.175
I. Tài sản cố định	220		9.132.071.365	11.021.585.326
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	5.817.071.365	7.706.585.326
- Nguyên giá	222		71.978.672.749	71.784.373.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.161.601.384)	(64.077.787.844)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3.315.000.000	3.315.000.000
- Nguyên giá	228		3.400.090.910	3.400.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.651.223.903	785.113.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.651.223.903	785.113.849
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		86.039.019.601	89.518.324.921

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.576.059.751	24.762.141.107
I. Nợ ngắn hạn	310		21.576.059.751	24.762.141.107
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	1.130.000.000	1.130.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.909.589.124	2.852.917.582
3. Người mua trả tiền trước	313		1.110.700.879	2.826.181.216
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	2.721.529.402	7.430.646.199
5. Phải trả người lao động	315		4.774.417.700	4.455.085.400
6. Chi phí phải trả	316		-	2.524.900.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.9	4.368.966.579	3.309.672.524
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.560.856.067	232.738.186
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.462.959.850	64.756.183.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	64.462.959.850	64.756.183.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.000.000.000	34.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.473.769.673	641.299.673
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.536.338.572	710.291.572
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.452.851.605	29.404.592.569
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		86.039.019.601	89.518.324.921



Nguyễn Hữu Thiệp
Giám đốc

Yên Bái, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	98.802.440.006	80.524.253.504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		98.802.440.006	80.524.253.504
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	62.533.050.661	44.941.425.201
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		36.269.389.345	35.582.828.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.838.733.044	2.147.654.062
7. Chi phí tài chính	22	6.4	168.188.400	189.580.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		168.188.400	166.497.794
8. Chi phí bán hàng	24		11.646.564.536	11.358.878.993
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.395.063.873	7.806.747.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.898.305.580	18.375.275.680
11. Thu nhập khác	31		170.594.455	229.959.091
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		170.594.455	229.959.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.068.900.035	18.605.234.771
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	3.721.529.400	2.084.288.572
16. Lợi nhuận sau thuế	60		14.347.370.635	16.520.946.199
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	4.220	4.859



Nguyễn Hữu Thiệp
Giám đốc

Yên Bái, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	115.269.154.182	89.540.313.905
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(74.047.619.322)	(54.052.338.049)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(20.500.420.004)	(17.402.840.895)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(31.500.000)	(29.500.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(7.373.480.809)	(1.900.928.223)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	171.049.000	6.000.000
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	(881.667.568)	(225.587.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.605.515.479	15.935.119.738
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(928.394.575)	(576.609.090)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.456.554.543	2.138.394.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.471.840.032)	1.561.785.762
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	2.178.100.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phần của Doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.178.100.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.563.004.400)	(11.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.563.004.400)	(11.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.429.328.953)	5.596.905.500
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.939.527.984	24.346.366.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3.744.512)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.510.199.031	29.939.527.984



Nguyễn Hữu Thiệp
Giám đốc
Yên Bái, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Nga
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216710 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2004, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 07 năm 2011

Công ty có tên giao dịch: HOANG LIEN SON TECHNICAL CERAMIC JOINT – STOCKS COMPANY, tên viết tắt là HOCERATEC.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 93, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 228 người (tại ngày 31/12/2012 là 233 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 07 tháng 07 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Tập đoàn Công Nghiệp Tàu thủy Việt Nam	Phổ thông	473.960	4.739.600.000
2	Nguyễn Khắc Sơn	Phổ thông	220.000	2.200.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Hoa	Phổ thông	120.000	1.200.000.000
4	Nguyễn Hữu Thiệp	Phổ thông	30.000	300.000.000
5	Nguyễn Danh Đông	Phổ thông	20.000	200.000.000
6	Hán Ngọc Cầu	Phổ thông	65.700	657.000.000

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết : Sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ; sản xuất vật liệu chịu lửa;
- Kinh doanh vật liệu chịu lửa, sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên, nhiên, vật liệu, tư liệu sản xuất, sản phẩm sứ, thủy tinh cách điện, polymer và thiết bị bảo vệ đường dây;
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị sản xuất;
- Sản xuất, kinh doanh gốm sứ kỹ thuật;
- Khai thác, chế biến và nhập khẩu khoáng sản.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2011/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước, đích danh). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

Năm 2013, Công ty phân loại lại tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Bộ Tài chính. Theo đó những tài sản cố định hữu hình có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng chuyển sang theo dõi công cụ dụng cụ, giá trị còn lại phân loại sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm th

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Năm 2013 thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm sử dụng điện của Công ty vẫn tiếp tục hưởng ưu đãi thuế suất là 20% do Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo quy định hiện hành. Còn thu nhập từ các hoạt động khác (thu nhập khác và thu nhập từ hoạt động tài chính) chịu thuế suất 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm th

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	10.272.220	32.686.000
Tiền gửi ngân hàng	6.499.926.811	8.906.841.984
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	21.000.000.000
Cộng	23.510.199.031	29.939.527.984

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi suất theo quy định của ngân hàng tùy theo từng thời kỳ.

2. Đầu tư ngắn hạn khác

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng

3. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.889.984.536	1.885.633.161
Công cụ, dụng cụ	3.157.058.041	1.286.516.375
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.014.271.900	827.851.700
Thành phẩm	8.260.054.377	9.448.395.288
Hàng gửi đi bán	1.339.151.008	1.321.174.122
Cộng	16.660.519.862	14.769.570.646

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	93.720.357	550.993.084
Tạm ứng	424.364.275	753.440.985
Total	518.084.632	1.304.434.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2013	9.182.926.936	60.591.608.601	1.073.047.000	936.790.633	71.784.373.170
Mua trong năm	-	1.197.655.375	-	-	1.197.655.375
Tặng khác	-	-	-	127.272.727	127.272.727
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(25.403.000)	(833.090.214)	-	(265.135.309)	(1.123.628.523)
Giảm khác	-	(7.000.000)	-	-	(7.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	9.157.523.936	60.949.173.762	1.073.047.000	798.928.051	71.978.672.749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2013	6.904.067.690	55.495.736.610	870.646.744	807.336.800	64.077.787.844
Khấu hao trong kỳ	295.518.246	2.668.462.713	67.466.688	118.947.335	3.150.394.982
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(25.403.000)	(825.598.406)	-	(202.365.812)	(1.053.367.218)
Giảm khác	-	(13.214.224)	-	-	(13.214.224)
Số dư tại ngày 31/12/2013	7.174.182.936	57.325.386.693	938.113.432	723.918.323	66.161.601.384
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	2.278.859.246	5.095.871.991	202.400.256	129.453.833	7.706.585.326
Tại ngày 31/12/2013	1.983.341.000	3.623.787.069	134.933.568	75.009.728	5.817.071.365

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao còn sử dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là: 14.606.452.592 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 22.979.533.296 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chứng nhận Iso VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.315.000.000	85 090 910	3.400.090.910
Số dư tại ngày 31/12/2013	3.315.000.000	85.090.910	3.400.090.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	-	85 090 910	85.090.910
Số dư tại ngày 31/12/2013	-	85.090.910	85.090.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.315.000.000	-	3.315.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2013	3.315.000.000	-	3.315.000.000

7. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyễn Cao Long	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Kim Cương	100.000.000	100.000.000
Ngô Thị Như Hoa	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Ngọc Long	100.000.000	100.000.000
Lê Thị Át	100.000.000	100.000.000
Trần Thị Hương Giang	100.000.000	100.000.000
Ngô Minh Thanh	200.000.000	200.000.000
Lê Thị Lừu	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	180.000.000	180.000.000
Cộng	1.130.000.000	1.130.000.000

(*) là các khoản vay cá nhân với lãi suất 1%/tháng thời hạn 1 năm. Hết hạn hợp đồng vay, nếu bên cho vay không có nhu cầu rút vốn vay thì hợp đồng tiếp tục được gia hạn thêm 1 năm.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.721.529.402	7.430.646.199
Cộng	2.721.529.402	7.430.646.199

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	99.454.770	86.459.700
Tạm ứng (dư có)	175.006.594	210.795.497
Phải trả, phải nộp khác	4.094.505.215	3.012.417.327
Cộng	4.368.966.579	3.309.672.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 1/1/2012	34.000.000.000	-	-	27.660.154.450	61.660.154.450
Lãi trong năm	-	-	-	16.520.946.199	16.520.946.199
Trích lập các quỹ		641.299.673	738.842.504	(2.876.508.080)	(1.496.365.903)
Chia cổ tức				(11.900.000.000)	(11.900.000.000)
Giảm khác	-	-	(28.550.932)	-	(28.550.932)
Số dư tại 31/12/2012	34.000.000.000	641.299.673	710.291.572	29.404.592.569 #	64.756.183.814
Lãi trong kỳ	-	-	-	14.347.370.635	14.347.370.635
Tăng khác (i)				221.834.600	221.834.600
Trích lập các quỹ (ii)		832.470.000	826.047.000	(3.600.946.199)	(1.942.429.199)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(12.920.000.000)	(12.920.000.000)
Số dư tại 31/12/2012	34.000.000.000	1.473.769.673	1.536.338.572	27.452.851.605	64.462.959.850

(i) Năm 2011 dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để tạm nộp thuế TNDN, năm 2012 đã nộp đủ nghĩa vụ thuế TNDN, năm 2013 hạch toán hoàn nhập lại thuế này và tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

(ii) Chia cổ tức và trích lập quỹ theo Nghị quyết số 04 ngày 01/11/2013 của Đại hội đồng cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	4.739.600.000	4.739.600.000
Nguyễn Khắc Sơn	2.200.000.000	2.200.000.000
Nguyễn Thị Kim Hoa	1.200.000.000	1.200.000.000
Hán Ngọc Cầu	657.000.000	657.000.000
Nguyễn Hữu Thiệp	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Danh Đông	200.000.000	200.000.000
Các cổ đông khác	24.703.400.000	24.703.400.000
Cộng	34.000.000.000	34.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.400.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.400.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.400.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.400.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.400.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	13.085.267.186	4.179.324.141
Doanh thu bán các thành phẩm	85.717.172.820	76.344.929.363
Cộng	98.802.440.006	80.524.253.504

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa	11.681.022.739	3.659.758.447
Giá vốn giảm do điều chỉnh hồi tố	-	(122.727.350,00)
Giá vốn của thành phẩm	50.852.027.922	41.404.394.104
Cộng	62.533.050.661	44.941.425.201

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.703.533.743	2.138.394.852
Lãi chênh lệch tỷ giá	135.199.301	9.259.210
Cộng	1.838.733.044	2.147.654.062

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	168.188.400	166.497.794
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	23.082.754
Cộng	168.188.400	189.580.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	18.068.900.035	18.605.234.771
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	36.414.500	
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>36.414.500</i>	
Tổng thu nhập chịu thuế	18.105.314.535	18.605.234.771
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN 20% (i)	16.095.987.036	16.417.202.166
Thuế suất 20%	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.219.197.525	3.283.440.438
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN 25% (ii)	2.009.327.499	2.188.032.605
Thuế suất 25%	25%	25%
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	502.331.875	547.008.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.721.529.400	3.830.448.592
Thuế TNDN được giảm (iii)	-	1.149.134.577
Thuế TNDN được giảm của năm 2011	-	597.025.444
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.721.529.400	2.084.288.572

(i) Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo thuế suất 20% do Công ty được chuyển đổi cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 164/2003 ND - CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ.

(ii) Thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động khác và hoạt động tài chính

(iii) Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị quyết 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội về chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân năm 2012.

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.347.370.635	16.520.946.199
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.347.370.635	16.520.946.199
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.400.000	3.400.000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	4.220	4.859
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	29.145.188.317	24.796.236.879
Chi phí nhân công	25.586.620.521	21.783.730.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.150.394.982	3.489.971.042
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.273.663.332	1.495.724.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.689.029.007	12.215.462.951
Chi phí khác bằng tiền	2.961.816.562	2.796.815.272
Cộng	83.806.712.721	66.577.941.699

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày, thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số v.6 “Vay và nợ ngắn hạn” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV, “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.510.199.031	29.939.527.984
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.053.668.376	30.927.291.716
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	57.563.867.407	60.866.819.700
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.130.000.000	1.130.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.278.555.703	6.162.590.106
Chi phí phải trả	-	2.524.900.000
Cộng	11.408.555.703	9.817.490.106

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tài sản tài chính	Tài sản (USD)	
	31/12/2013	01/01/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.665,16	20.800,00
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.191,00	143.715,00
Cộng	73.856,16	164.515,00

Công nợ tài chính	Công nợ phải trả (USD)	
	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả người bán và phải trả khác	14.167,50	54.105,00
Người mua trả tiền trước	20.400,00	-
Cộng	34.567,50	54.105,00

Tài sản tài chính	Tài sản (EUR)	
	31/12/2013	01/01/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	102,52	-

Công nợ tài chính	Công nợ phải trả (EUR)	
	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả người bán và phải trả khác	63.918,40	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	1.130.000.000	-	1.130.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.278.555.703	-	10.278.555.703
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	11.408.555.703	-	11.408.555.703
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay	1.130.000.000	-	1.130.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	6.162.590.106	-	6.162.590.106
Chi phí phải trả	2.524.900.000	-	2.524.900.000
Cộng	9.817.490.106	-	9.817.490.106

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.510.199.031	-	23.510.199.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.066.972.370	-	25.066.972.370
Đầu tư ngắn hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Cộng	57.577.171.401	-	57.577.171.401
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.939.527.984	-	29.939.527.984
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.927.291.716	-	30.927.291.716
Cộng	60.866.819.700	-	60.866.819.700

2. Điều chỉnh hồi tố

Trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố một số nghiệp vụ kinh tế thực tế đã phát sinh từ năm 2007 đến năm 2012 liên quan đến kết luận cuối cùng của cơ quan chức năng về việc yêu cầu bồi thường của các cá nhân nêu tại bản án số 10/2013/HSST ngày 04/02/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, ảnh hưởng đến số dư trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Cụ thể các bút toán điều chỉnh hồi tố như sau:

a. Bản chất của sai sót cơ bản tính đến ngày kết thúc niên độ Báo cáo tài chính 2012 như sau:

1. Phải thu khác tăng 17.653.988.810 đồng do xuất toán các hóa đơn không.
2. Tài sản cố định hữu hình giảm 941.072.000 đồng do xuất toán hóa đơn không.
3. Tài sản cố định vô hình giảm 945.000.000 đồng do xuất toán hóa đơn không.
4. Khấu hao tài sản cố định giảm 366.549.250 đồng do xuất toán giá trị tương ứng với giá trị tài sản cố định hữu hình bị xuất toán.
5. Tăng thuế GTGT phải nộp và thuế TNDN 4.194.097.356 đồng tương ứng giá trị hóa đơn không bị xuất toán.
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 11.940.368.704 đồng tương ứng với giá trị hóa đơn không bị xuất toán.
7. Giá vốn năm 2012 giảm 122.727.350 đồng tương ứng giá trị khấu hao TSCĐ hữu hình giảm.
8. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012 tăng 122.727.350 đồng tương ứng do giá vốn giảm.
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 tăng 122.727.350 đồng tương ứng do lợi nhuận gộp tăng.
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2012 tăng 122.727.350 đồng tương ứng do lợi nhuận thuần tăng.
11. Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm tăng 17.181.829 đồng tương ứng do lợi nhuận thuần tăng.
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 tăng 105.545.521 đồng (=122.727.350 đồng - 17.181.829 đồng) do tăng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và tăng chi phí thuế thu nhập hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****b. Các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính trước điều chỉnh hồi tố**

Bảng cân đối kế toán						
Chỉ tiêu	Tại 31/12/2007	Tại 31/12/2008	Tại 31/12/2009	Tại 31/12/2010	Tại 31/12/2011	Tại 31/12/2012
Các khoản phải thu khác	197.200	197.062.654	600.555.031	614.888.193	408.643.412	270.971.594
Tài sản cố định hữu hình			18.187.270.352	13.327.271.087	11.194.470.028	8.281.108.076
<i>Nguyên giá</i>			69.880.773.611	70.096.042.746	72.148.836.080	72.725.445.170
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				(56.768.771.659)	(60.954.366.052)	(64.444.337.094)
Tài sản cố định vô hình				4.260.000.000	4.260.000.000	4.260.000.000
<i>Nguyên giá</i>				4.345.090.910	4.345.090.910	4.345.090.910
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	76.138.193	162.922.099	542.758.895	90.969.075	2.989.420.305	3.236.548.843
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.328.810.956)	(2.326.265.014)	980.952.130	1.270.675.787	15.825.331.267	17.464.223.865
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Giá vốn hàng bán		38.462.881.617	46.070.409.877	45.728.023.881	46.319.304.293	45.064.152.551
Chi phí bán hàng	9.616.767.620	15.879.896.601	17.203.960.953	17.854.941.284		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.391.927.589	7.303.500.891	7.254.761.957	8.959.149.046	8.351.900.782	
Thu nhập khác	864.641.879	606.573.828	146.834.145	212.447.732		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	3.189.420.305	2.067.106.743
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(28.250.494.038)	(44.683.309.265)	(36.182.486.942)		(52.140.768.369)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.697.400.104)	(16.977.010.954)	(23.430.418.459)		(5.095.114.064)	
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác					(1.184.361.516)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

c. Thay đổi tăng, giảm các chỉ tiêu hồi tố theo các năm như sau:

Bảng cân đối kế toán	Tại 31/12/2007	Tại 31/12/2008	Tại 31/12/2009	Tại 31/12/2010	Tại 31/12/2011	Tại 31/12/2012
Chỉ tiêu						
Các khoản phải thu khác tăng/(giảm)	261.685.119	2.600.958.069	8.214.936.290	17.545.982.810	17.653.988.810	17.653.988.810
Tài sản cố định hữu hình tăng/(giảm)			(805.000.000)	(818.119.400)	(697.250.100)	(574.522.750)
Nguyên giá tăng (giảm)			(805.000.000)	(941.072.000)	(941.072.000)	(941.072.000)
Giá trị hao mòn lũy kế giảm/(tăng)				122.952.600	243.821.900	366.549.250
Tài sản cố định vô hình tăng/(giảm)				(945.000.000)	(945.000.000)	(945.000.000)
Nguyên giá tăng (giảm)				(945.000.000)	(945.000.000)	(945.000.000)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng/(giảm)	53.790.018	553.325.311	1.538.736.455	4.125.560.825	4.176.915.527	4.194.097.356
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng/(giảm)	207.895.101	2.047.632.758	5.871.199.835	11.657.302.585	11.834.823.183	11.940.368.704
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Giá vốn hàng bán tăng/(giảm)		(371.516.743)	(1.158.687.051)	(4.245.460.524)	(120.869.300)	(122.727.350)
Chi phí bán hàng tăng/(giảm)	(191.692.300)	(838.026.046)	(2.473.176.668)	(2.555.698.972)		
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng/(giảm)	(40.109.364)	(875.715.716)	(855.937.370)	(1.082.384.976)	(85.550.000)	
Thu nhập khác tăng/(giảm)	27.159.680	132.865.600	73.828.000	128.679.630		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng/(giảm)	51.066.243	378.386.448	738.062.012	2.226.121.352	28.898.702	17.181.829
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ giảm/(tăng)	171.483.562	2.737.152.989	6.369.552.836		108.006.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh giảm/(tăng)	(171.483.562)	(2.737.152.989)	(6.369.552.836)		(206.078.000)	
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác giảm/(tăng)					98.072.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***d. Các chỉ tiêu sau điều chỉnh hồi tố**

Bảng cân đối kế toán						
Chỉ tiêu	Tại 31/12/2007	Tại 31/12/2008	Tại 31/12/2009	Tại 31/12/2010	Tại 31/12/2011	Tại 31/12/2012
Các khoản phải thu khác	261.882.319	2.798.020.723	8.815.491.321	18.160.871.003	18.062.632.222	17.924.960.404
Tài sản cố định hữu hình			17.382.270.352	12.509.151.687	10.497.219.928	7.706.585.326
<i>Nguyên giá</i>			69.075.773.611	69.154.970.746	71.207.764.080	71.784.373.170
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				(56.645.819.059)	(60.710.544.152)	(64.077.787.844)
Tài sản cố định vô hình hình				3.315.000.000	3.315.000.000	3.315.000.000
<i>Nguyên giá</i>				3.400.090.910	3.400.090.910	3.400.090.910
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	129.928.211	716.247.410	2.081.495.350	4.216.529.900	7.166.335.832	7.430.646.199
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.120.915.855)	(278.632.256)	6.852.151.965	12.927.978.372	27.660.154.450	29.404.592.569
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Giá vốn hàng bán		38.091.364.874	44.911.722.826	41.482.563.357	46.198.434.993	44.941.425.201
Chi phí bán hàng	9.425.075.320	15.041.870.555	14.730.784.285	15.299.242.312		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.351.818.225	6.427.785.175	6.398.824.587	7.876.764.070	8.266.350.782	
Thu nhập khác	891.801.559	739.439.428	220.662.145	341.127.362		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51.066.243	378.386.448	738.062.012	2.226.121.352	3.218.319.007	2.084.288.572
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(28.079.010.476)	(41.946.156.276)	(29.812.934.106)		(52.032.762.369)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.868.883.666)	(19.714.163.943)	(29.799.971.295)		(5.301.192.064)	
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác					(1.086.289.516)	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

Số 93, Phường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái

Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. Thông tin với các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam
(Nay là Tổng Công ty công nghiệp tàu thủy)

Cổ đông sáng lập

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số dư phải trả	1.801.048.000	-
Cộng	1.801.048.000	-

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế sau khi đã được điều chỉnh hồi tố một số sai sót như đã trình bày ở trên.


Nguyễn Hữu Thiệp
Giám đốc

Yên Bái, ngày 27 tháng 03 năm 2014


Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thu Nga
Người lập biểu